

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2019/HS-ST
Ngày 08-5-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Túy

Bà Phạm Thị Thúy Mùi

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Trần Viết Quyết – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 4 năm 2019, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2019/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 4 năm 2019, đối với các bị cáo:

1. Ngô Xuân Đ, sinh ngày 10/12/1989 tại xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn N, xã T, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; con ông: Ngô Xuân C, sinh năm 1965 và bà: Phạm Thị S, sinh năm 1965; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Bản án số 40/2010/HSST ngày 21/10/2010, Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Bảo, thành phố Hải Phòng phạt 09 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích” và 09 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản”, tổng hợp hình phạt là 18 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/9/2011; bản án số 13/2013/HSST ngày 04/7/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương phạt 06 năm tù về tội “Mua bán người”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 23/6/2017; bị tạm giữ từ ngày 23/01/2019 đến ngày 29/01/2019 chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại Nhà Tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (có mặt).

2. Trần Văn T, sinh ngày 31/8/1986 tại xã N, huyện V, thành phố Hải Phòng; nơi cư trú: Thôn M, xã N, huyện V, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo:

Không; con ông: Trần Văn Th, sinh năm 1958 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1966; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 23/01/2019 đến ngày 29/01/2019 chuyển tạm giam cho đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại Nhà Tạm giữ Công an huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình (có mặt).

- Bị hại: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Tổ A, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngô Xuân Đ và Trần Văn T là bạn bè. Đêm ngày 22/01/2019, Đ và T gặp nhau ở quán games của anh Vũ Văn B ở thôn A, xã A, huyện V, thành phố Hải Phòng, Đ rủ T đi trộm cắp xe máy, T đồng ý, hẹn Đ sáng hôm sau sẽ đi. Khoảng 03 giờ ngày 23/01/2019, cả hai đến quán anh B và ngồi ngoài quán nói chuyện đến khoảng hơn 04 giờ thì T xin Đ tiền để mua ma túy sử dụng, Đ đưa cho T 100.000 đồng rồi gọi taxi chở Đ và T sang khu vực ngã tư V, xã A, huyện Q để tìm mua ma túy nhưng không mua được. Đ và T đi bộ theo Quốc lộ 10 về hướng H tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến khu vực tổ A, thị trấn A, lúc này khoảng 06 giờ 30 phút, Đ và T nhìn thấy chị Vũ Thị N dựng chiếc xe mô tô Honda Lead, màu xanh đen, biển số 17B5-YYY.XX, ở trong ngõ bên phải chiều đi của Đ và T; đầu xe hướng ra Quốc lộ 10, cách chỗ Đ và T khoảng 10 mét, rồi vào nhà gọi con đi học. Thấy vậy, Đ hỏi T: “*Không biết xe có chìa khóa không?*” T hiểu ý Đ định trộm cắp chiếc xe này và quan sát thấy chị N không có hành động rút chìa khóa xe nên nói: “*Chắc có!*”. Ngay lúc đó, Đ tiến đến vị trí chiếc xe, còn T ở ngoài đường cảnh giới, Đ dùng tay phải vặn chìa khóa điện và ngồi lên xe đề nổ máy rồi điều khiển đi ra Quốc lộ 10. Nghe tiếng xe nổ, chị N chạy ra và đuổi theo hô hoán, nhưng không kịp nên đã đến cơ quan Công an trình báo. Nghe thấy tiếng tri hô của chị N, T sợ bị phát hiện nên rẽ vào quán bán hàng ăn sáng, còn Đ điều khiển xe ra Quốc lộ 10 hướng về H. Khoảng 12 giờ cùng ngày, Đ và T gặp nhau ở quán games của anh B. T hỏi Đ chiếc xe trộm cắp được để ở đâu thì Đ nói là để ở nhà Đ. Buổi chiều cùng ngày, Trần Văn T và Ngô Xuân Đ đã lần lượt đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ đầu thú, Ngô Xuân Đ đã giao nộp lại chiếc xe mô tô.

Kết quả định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Quỳnh Phụ ngày 24/01/2019 kết luận: Chiếc xe mô tô Honda Lead màu xanh đen, biển số 17B5-YYY.XX, số máy IF79E 0503404, số khung RLHJF 7903HZ 001729 có giá trị 38.000.000 đồng (*Ba mươi tám triệu đồng*).

Tại phiên tòa các bị cáo đều khai, do muốn có tiền chi tiêu cá nhân nên Đ đã rủ T đi trộm cắp tài sản. Khoảng 6 giờ 30 phút, ngày 23/01/2019, T đứng ngoài đường Quốc lộ 10 cảnh giới, còn Đ vào trong một ngõ tại thị trấn A,

huyện Q lấy đi một xe Honda LEAD sau này biết là của chị N dựng ở cửa sau nhà chị N mang về nhà Đ cất giấu. Nhưng do thấy việc trộm cắp của mình có thể bị phát hiện nên cả hai đã đến Công an huyện Quỳnh Phụ đầu thú.

Bị hại là chị Vũ Thị N khai: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 23/01/2019, chị dắt chiếc xe LEAD màu xanh – đen, BKS 17B5-YYY.XX ra cửa hậu phía sau nhà ở của chị rồi quay vào nhà để gọi con đi học, khi đang ở trong nhà chị nghe tiếng xe máy nổ liền chạy ra thì nhìn thấy một nam thanh niên điều khiển xe của chị đi ra đường Quốc lộ 10 chạy về hướng H, chị đã đuổi theo nhưng không kịp. Chị nhất trí kết luận định giá tài sản; chị đã được cơ quan Điều tra trả lại xe nguyên vẹn nên không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự và đề nghị xét xử các bị cáo theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 34/CT-VKSQP ngày 01/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố các bị cáo Ngô Xuân Đ và Trần Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*”, bị cáo T theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, bị cáo Đ theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” và đề nghị: Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, các điều 50; 17; 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Ngô Xuân Đ, phạt bị cáo Đ từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i; s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, các điều 50; 17; 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trần Văn T, phạt bị cáo T từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2019; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết; về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo đều nhận thức đã vi phạm pháp luật, hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Quỳnh Phụ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản hợp pháp được pháp luật bảo vệ, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng lời khai của bị hại, người làm chứng, sơ đồ hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật, biên bản định giá tài sản cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 06 giờ 30 phút ngày 23/01/2019, lợi dụng sự sơ hở của chị Vũ Thị N trong việc trông coi tài sản, Trần Văn T đã đứng ngoài cánh giới đề Ngô Xuân Đ vào lấy đi 01 chiếc xe mô tô Honda Lead, biển kiểm soát 17B5-YYY.XX, trị giá 38.000.000 đồng của chị N dựng ở cửa hậu sau nhà chị tại Tổ A, thị trấn A, huyện Q, tỉnh Thái Bình. Hành vi của bị cáo Trần Văn T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Ngô Xuân Đ đã tái phạm, chưa được xóa án tích lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do đó hành vi của bị cáo Đ đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” với tình tiết định khung “*tái phạm nguy hiểm*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

g) *Tái phạm nguy hiểm.*

...

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình truy tố và kết luận bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; Ngô Xuân Đ phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo thấy: Do trong quá trình thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ, do đó đánh giá đây là vụ án đồng phạm giản đơn, tuy nhiên cần đánh giá tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo để lên mức án phù hợp, tương xứng với hành vi mỗi bị cáo đã gây ra.

Trong vụ án này, các bị cáo không chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện hành vi phạm tội mà rủ nhau tìm xem có chủ sở hữu nào sơ hở trong việc quản lý tài sản thì trộm cắp. Bị cáo Ngô Xuân Đ đã hai lần bị kết án tù có thời hạn, được pháp luật cải tạo, giáo dục nhưng không chịu sửa đổi lại tiếp tục phạm tội, vì vậy lần này bị cáo phạm tội với tình tiết định khung “*tái phạm nguy hiểm*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo Đ vừa là người khởi xướng, rủ bị cáo T đi trộm cắp tài sản vừa trực tiếp vào lấy xe rồi điều khiển xe lấy được về nhà cất giấu; bị cáo Trần Văn T khi được bị cáo Đ rủ thì nhất trí và cùng đi tìm tài sản để trộm cắp, bị cáo T là người giúp bị cáo Đ quan sát, phát hiện xe của chị N vẫn còn chìa khóa cắm ở ổ xe và đứng ở ngoài cảnh giới cho bị cáo Đ vào lấy tài sản. Do đó, đánh giá mức độ phạm tội của bị cáo Đ là cao hơn so với bị cáo T.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều thành thật khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51; bị cáo T được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “*phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*” theo quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51; bị cáo T có thời gian đi bộ đội, cả hai bị cáo sau khi phạm tội đều đến đầu thú, do đó các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; tình tiết “*tái phạm nguy hiểm*” của bị cáo Đ là tình tiết định khung, do đó trong vụ án này các bị cáo đều không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Qua phân tích trên, xét thấy ngoài phải chịu mức hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự thì đánh giá mức độ phạm tội của bị cáo Đ trong vụ án này cũng cao hơn bị cáo T; bị cáo T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo Đ, do đó mức án của bị cáo Đ phải chịu cao hơn mức án của bị cáo T. Xét thấy các bị cáo là người tỉnh khác rủ nhau sang địa phận tỉnh Thái Bình trộm cắp tài sản, hành vi phạm tội thực hiện ngay ban ngày tại địa phận thị trấn A, huyện Q giáp đường Quốc lộ 10 nơi đông dân cư và người tham gia giao thông đi lại, điều đó thể hiện sự táo bạo và ý thức coi thường pháp luật. Vì vậy các bị cáo phải chịu mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của mỗi bị cáo và việc cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội trong thời gian chấp hành hình phạt là cần thiết để giáo dục, cải tạo các bị cáo và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung, như mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*” như vậy bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị

cáo lao động tự do không có việc làm và thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo trộm cắp của chị Vũ Thị N 01 xe mô tô Honda LEAD, chiếc xe này các bị cáo đã nộp lại, chị N đã nhận tài sản và không yêu cầu giải quyết về trách nhiệm dân sự, do đó về trách nhiệm dân sự không đặt ra giải quyết.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Ngô Xuân Đ và Trần Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

- Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, các điều 50; 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Ngô Xuân Đ 03 (ba) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 01 năm 2019.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i; s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; các điều 50; 58 và Điều 38 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo Trần Văn T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 23 tháng 01 năm 2019.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, các bị cáo Ngô Xuân Đ và Trần Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Các bị cáo và bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận

- Các bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Quỳnh Phụ;
- VKSND tỉnh Thái Bình
- Công an huyện Quỳnh Phụ;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Phụ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hương Liên
(đã ký)**